

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các điều 29, điều 35, điều 149, điều 212 và điều 213, Điều 361 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Án phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 154/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/8/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1976

HKTT: Tổ 3, N, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: 24.01 Toà nhà CT1, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Anh **Vương Toàn T**, sinh năm 1969

HKTT: thôn V, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 35, Ngõ 54, đường V, phường P, quận N, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Vương Toàn T tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01 quyển số 01/2001 ngày 03 tháng 01 năm 2001.

Vợ chồng chị L, anh T sống hạnh phúc đến năm 2023 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung khiến cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ tháng 5/2023 đến nay đã được hơn 1 năm, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không còn tình cảm; anh T đã ra ngoài ở riêng từ tháng

3/2024, không ở cùng mẹ con chị L nữa nên anh chị quyết định thuận tình ly hôn. Đề nghị Toà án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

[2]. Về con chung: Chị L, anh T có 01 con chung là Vương Phương A, sinh ngày 21/10/2003. Hiện tại con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), sức khoẻ bình thường, có khả năng lao động. Vì vậy anh chị không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xét.

[3]. Về tài sản chung: Chị L, anh T tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xét.

[4]. Về công nợ chung: chị L, anh T đều xác định vợ chồng không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Toà án không xét.

[5]. Về lệ phí: Anh T tự nguyện nộp lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Vương Toàn T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị L, anh T có 01 con chung là Vương Phương A, sinh ngày 21/10/2003. Hiện tại con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), sức khoẻ bình thường, có khả năng lao động. Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xét.

- *Về tài sản chung*: Chị L, anh T tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xét.

- *Về công nợ chung*: chị L, anh T đều xác định vợ chồng không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Toà án không xét.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh Vương Toàn T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Toà án số 0020108 ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã N (Nơi ĐKKH);
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tổng Quốc Thanh